

Bản án số: 01/2023/KDTM-PT

Ngày 16/01/2023

V/v tranh chấp hợp đồng giao khoán
công trình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Hữu Truyền

Các Thẩm phán: 1. Bà Hoàng Thị Thu Hường
2. Bà Vi Thị Tuyết Mai

-Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thuý Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện VKSND tỉnh B tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Chuyên-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27/12/2022 và ngày 16/01/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/TLPT-KDTM, ngày 10/10/2022 về việc tranh chấp hợp đồng giao khoán công trình, do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số:01/2022/KDTM-ST, ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:01/2022 /QĐ-PT, ngày 29/11/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Doanh nghiệp T;** Địa chỉ: Phố Trung Kiên, thị trấn Chợ Chu, Đ, tỉnh TH. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn KH, sinh năm 1961, Chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: tổ 8, phường Quang Trung, thành phố TH, tỉnh TH (Theo văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 3 năm 2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Ông Lưu Bình D - Luật sư của Văn phòng luật sư Dương Tuấn Giang và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh TH.

Địa chỉ: Số 1A, ngõ 57 đường Xuân Hòa, (tổ 24) đường Phan Đình Phùng, thành phố TH, tỉnh TH. Có mặt tại phiên toà ngày 27/12/2022, vắng mặt tại phiên toà ngày 16/01/2023.

*** Bị đơn: Doanh nghiệp G**(Trước ngày 10/3/2020 có tên là Công ty TNHH ND B).

Địa chỉ: Tổ Bản Cẩu, phường H, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang B, sinh năm 1963, chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Bích PH; sinh năm 1986 - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH quốc tế PH Hoàng. Có mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh B** (Trước đây là Ban quản lý dự án giao thông B).

Địa chỉ: Số 5, Đường Trường Chinh, phường Đ, thành Phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Anh Tuấn** – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Sơn – Chức vụ: Phó Trưởng phòng phụ trách phòng QLDA II. (Theo giấy ủy quyền tham gia tố tụng ngày 14/6/2022).Có mặt.

*** Người kháng cáo: Bị đơn Doanh nghiệp G**

Địa chỉ: Tổ Bản Cẩu, phường H, thành phố B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn trình bày:**

-Tháng 8/2010, Doanh nghiệp G trúng thầu gói thầu xây dựng số 38 xây dựng các cầu Xạ Mong, Pác A, Xuân Dương 2 và Khuổi A tuyến đảm bảo giao thông ngoại tuyến Chợ Mới – Hảo Nghĩa, dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 3B đoạn Xuất Hóa – Cửa khẩu Pò Mã (đoạn tuyến đi qua địa phận tỉnh B) theo Quyết định số 351/QĐ-SGTVT ngày 06/8/2010 của Sở Giao thông vận tải tỉnh B.

- Ngày 17/11/2010, Doanh nghiệp G ký Biên bản thương thảo hợp đồng và Thỏa thuận hợp đồng với Doanh nghiệp T. Theo đó Doanh nghiệp G giao cho Doanh nghiệp T thi công công trình cầu Pác A theo hồ sơ thiết kế, khối lượng chi tiết căn cứ vào hồ sơ thiết kế đã được duyệt. Giá hợp đồng theo giá trị trúng thầu: 5.651.420.795.000đ (Năm tỷ, sáu trăm năm mươi một triệu, bảy trăm chín mươi năm nghìn đồng). Được thanh toán 80% khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu khối lượng thực tế, thanh toán dựa theo nguồn vốn của chủ đầu tư được ghi (chủ đầu

tư: BQLDA Giao thông B).

Doanh nghiệp Gthư 10% giá trị hợp đồng khi vốn về được tạm ứng công trình.

Doanh nghiệp T phải chịu mọi chi phí vật tư, vật liệu, nhân công và các khoản chi phí khác nếu có. Vật tư, vật liệu phải có hóa đơn GTGT, nếu thiếu phải nộp thuế theo hồ sơ thanh quyết toán.

Thời gian khởi công: Ngày 25/11/2010.

Thời gian hoàn thành: Ngày 25/11/2012.

- Quá trình ký kết hợp đồng, Doanh nghiệp T tạm ứng số tiền 400.000.000 đồng và có giao cho Doanh nghiệp G giữ giấy tờ chứng minh quyền sở hữu chiếc máy đào bánh xích mang BKS 20XA-0425 nhãn hiệu **KOBELCO** để bảo lãnh công trình thi công.

Sau khi ký hợp đồng Doanh nghiệp T đã tiến hành thi công cầu Pác A, quá trình thi công thì Doanh nghiệp G thường xuyên giám sát chất lượng và tiến độ, nghiệm thu để trình BQLDA Giao thông B thanh quyết toán vốn theo tiến độ. Quá trình thi công Doanh nghiệp G không thanh toán được như cam kết, Doanh nghiệp T phải vay tiền ngoài để thi công, tính đến tháng 10/2011 đã hoàn thành 80% khối lượng công việc nhưng bên A mới ứng được 400.000.000 đồng. Do không ứng vốn và thanh toán như cam kết nên Doanh nghiệp T đã ngừng thi công để chờ vốn.

Ngày 10/10/2013 Doanh nghiệp G tự ý hủy hợp đồng và tự thi công phần việc còn lại, hai bên phát sinh tranh chấp và tổ chức đàm phán. Tại Biên bản làm việc ngày 12/7/2016, Giám đốc Doanh nghiệp T và Giám đốc Doanh nghiệp G đã thống nhất khối lượng thi công thực tế của Doanh nghiệp T theo Hợp đồng ký ngày 17/11/2010 làm cơ sở quyết toán. Căn cứ đơn giá năm 2016 của UBND tỉnh B tạm tính khối lượng Doanh nghiệp T đã hoàn thành tương đương giá trị tiền 1.896.558.014 đồng.

Quá trình thi công bên Doanh nghiệp G đã vay của Doanh nghiệp xây dựng Tiên Sơn các khoản:

- Ngày 05/11/2010: 50.000.000 đồng vay giải phóng mặt bằng;
- Ngày 29/3/2021: 5.000.000 đồng vay để kéo điện ba pha;
- Vay trả cho người trông coi công trường từ 02/11/2010 đến ngày 12/10/2013 số tiền 27.000.000 đồng;
- Ngày 20/10/2010: 10.000.000 đồng vay thuê đất làm lán;
- Ngày 27/02/2011: 19.500.000 đồng vay trả tiền nổ mìn.

Tổng số tiền đã vay 111.500.000 đồng.

Như vậy đến tháng 12/2016 Doanh nghiệp G còn nợ bên Doanh nghiệp T như sau:

- Tổng nợ là: $1.896.558.014 + 111.500.000 = 2.008.058.014$ đồng.
- Bên Doanh nghiệp G đã ứng: 400.000.000 đồng;
- Dư nợ còn phải trả: $2.008.058.014 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng} = 1.608.058.014$ đồng.

Ngày 12/7/2018 Doanh nghiệp G đã ra Quyết định đơn phương chấm dứt Biên bản thương thảo hợp đồng và Thỏa thuận hợp đồng ngày 17/11/2010 nhưng vẫn chưa thanh quyết toán giá trị phân khối lượng mà Doanh nghiệp T đã thi công.

Trong đơn khởi kiện, Doanh nghiệp T yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Công nhận hợp đồng thương mại ký kết giữa Doanh nghiệp G với Doanh nghiệp T ký ngày 17/11/2010 về thi công cầu Pác A là hợp pháp;

2/ Buộc Doanh nghiệp G phải trả cho Doanh nghiệp T số tiền theo hợp đồng đã thi công thực tế (*được trừ đi số tiền đã tạm ứng và số tiền vay của hai bên*) còn phải trả là số tiền **1.608.058.014** đồng.

3/ Buộc Doanh nghiệp G phải trả cho Doanh nghiệp T giấy tờ chứng minh quyền sở hữu chiếc máy đào bánh xích mang BKS 20XA-0425 nhãn hiệu KOBELCO.

Tại phiên tòa, Doanh nghiệp T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng thương mại ký kết giữa Doanh nghiệp G với Doanh nghiệp T ký ngày 17/11/2010 về thi công cầu Pác A là hợp pháp và rút yêu cầu khởi kiện đối với các khoản tiền sau:

+ Số tiền 5.000.000 đồng Doanh nghiệp T cho Doanh nghiệp G vay ngày 29/3/2011 để kéo đường điện 3 pha;

+ Số tiền 27.000.000 đồng Doanh nghiệp T cho Doanh nghiệp G vay để chi trả cho người trông coi công trường;

+ Số tiền 10.000.000 đồng Doanh nghiệp T thuê đất làm lán trại;

+ Số tiền 19.500.000 đồng Doanh nghiệp T trả tiền nổ mìn, làm móng.

Tổng số tiền là 61.500.000 đồng và sửa đổi yêu cầu khởi kiện đối với phần giá trị khối lượng đã thi công thực tế của Doanh nghiệp T, tính theo đơn giá trúng thầu là 1.671.245.449 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu cụ thể như sau:

- Yêu cầu Doanh nghiệp G phải thanh toán cho Doanh nghiệp T tổng số tiền là: 1.671.245.449 đồng (*Là số tiền đã thi công thực tế theo hợp đồng*) + 50.000.000 đồng (*Là số tiền Doanh nghiệp G đã vay của Doanh nghiệp T đã được hai bên thống*

nhất) – 400.000.000 đồng (Là tiền Doanh nghiệp Gđã tạm ứng cho Doanh nghiệp T) = **1.321.245.449** đồng.

- Buộc Doanh nghiệp Gphải trả cho Doanh nghiệp T giấy tờ chứng minh quyền sở hữu chiếc máy đào bánh xích mang BKS 20XA-0425 nhãn hiệu KOBELCO.

2. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn trình bày:

Doanh nghiệp Gtrước ngày 10/3/2020 có tên là Công ty TNHH Nội Duệ B, đến ngày 10/3/2020 đổi tên tên Doanh nghiệp là Công ty TNHH Phạm Gia Bảo.

Ngày 17/11/2010, Doanh nghiệp Gcó ký Biên bản thương thảo hợp đồng và Thỏa thuận hợp đồng với Doanh nghiệp T. Theo đó Doanh nghiệp Ggiao cho Doanh nghiệp T thi công công trình cầu Pác A theo hồ sơ thiết kế, khối lượng chi tiết căn cứ vào hồ sơ thiết kế đã được duyệt. Giá hợp đồng theo giá trị trúng thầu: 5.651.420.795.000đ (Năm tỷ, sáu trăm năm mươi một triệu, bảy trăm chín mươi năm nghìn đồng). Được thanh toán 80% khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu khối lượng thực tế, thanh toán dựa theo nguồn vốn của chủ đầu tư được ghi (chủ đầu tư: BQLDA Giao thông B).

Doanh nghiệp Gthu 10% giá trị hợp đồng khi vốn về được tạm ứng công trình.

Doanh nghiệp T phải chịu mọi chi phí vật tư, vật liệu, nhân công và các khoản chi phí khác nếu có. Vật tư, vật liệu phải có hóa đơn GTGT, nếu thiếu phải nộp thuế theo hồ sơ thanh quyết toán.

Thời gian khởi công: Ngày 25/11/2010.

Thời gian hoàn thành: Ngày 25/11/2012.

Doanh nghiệp T đã thi công công trình cầu Pác A từ tháng 5/2011 đến tháng 10/2011 thì dừng thi công. Tính đến thời điểm dừng thi công thì khối lượng thực tế mà Doanh nghiệp T đã thi công đã được hai bên thống nhất theo biên bản làm việc ngày 12/7/2016 tại Tòa án nhân dân thành phố B làm cơ sở để quyết toán.

Sau đó Doanh nghiệp T không cung cấp đủ hồ sơ quyết toán và các tài liệu hóa đơn, chứng từ, chứng chỉ theo quy định của pháp luật cho Doanh nghiệp Gdo vậy Doanh nghiệp Gkhông nhất trí thanh toán số tiền mà nguyên đơn yêu cầu. Công ty chỉ nhất trí thanh toán số tiền trên theo yêu cầu của Doanh nghiệp T với điều kiện Doanh nghiệp T phải lập đầy đủ hồ sơ quyết toán và cung cấp đầy đủ các hóa đơn, chứng từ theo quy định.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng Doanh nghiệp T đã ứng ra nộp cho Sở giao thông tỉnh B để giải phóng mặt bằng thì Doanh nghiệp Gnhất trí đứng ra quyết toán với chủ đầu tư và có trách nhiệm hoàn lại số tiền trên cho Doanh nghiệp T.

Xác nhận, ngày 22/7/2019, Doanh nghiệp G đã được chủ đầu tư: BQLDA Giao thông B nghiệm thu và tiến hành thanh lý hợp đồng thi công xây dựng số 78/HĐXD ngày 09/9/2010 (phần khối lượng Doanh nghiệp G thực hiện) với các nội dung sau:

Giá trị quyết toán: 3.147.327.919 đồng

Giá trị bên A đã thanh toán cho bên B: 2.714.700.000đ

Giá trị bên A còn phải thanh toán cho bên B: 432.627.919đ.

Đối với yêu cầu Buộc Doanh nghiệp G phải trả cho Doanh nghiệp T giấy tờ chứng minh quyền sở hữu chiếc máy đào bánh xích mang BKS 20XA-0425 nhãn hiệu KOBELCO thì bị đơn không nhất trí, do Doanh nghiệp T vi phạm hợp đồng và chưa làm thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán hợp đồng.

Bị đơn có yêu cầu phản tố như sau:

1/ Yêu cầu Doanh nghiệp T trả lại cho Doanh nghiệp G chiếc máy đào bánh xích là tài sản bảo lãnh thi công công trình với giá trị tạm tính là 400.000.000đ theo giấy bảo lãnh công trình thi công ký giữa hai bên và thanh toán tiền lãi với phí bảo lãnh hợp đồng theo lãi suất ngân hàng Nhà nước quy định (của số tiền tạm ứng tương ứng với giá trị tài sản bảo lãnh là chiếc máy đào bánh xích nhãn hiệu KOBELCO SK-200-3) tính từ ngày 25/11/2010 đến ngày 25/5/2020 là: 129.737.913đ, tổng là 529.737.913 đồng.

2/ Yêu cầu Doanh nghiệp T chịu phạt vi phạm hợp đồng với mức phạt là 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm tương ứng với số tiền là 678.215.400đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bổ sung yêu cầu phản tố như sau: Yêu cầu Doanh nghiệp T phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Doanh nghiệp G số tiền mà Doanh nghiệp G bị Cục thuế B truy thu thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất, kinh doanh trong nước (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí) là 207.846.425 đồng và lệ phí môn bài mức (bậc) 1 là 3.000.000 đồng, tiền chậm nộp các khoản khác điều tiết 100% ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật do ngành thuế quản lý là 910.000 đồng, tổng số tiền yêu cầu là 211.756.425 đồng.

** Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:*

Nguyên đơn không nhất trí với yêu cầu phản tố của bên bị đơn vì các lý do sau:

- Thứ nhất: Lỗi dẫn đến hợp đồng phải dừng thi công là do bên bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng.

- Thứ hai: Khoản tiền tạm ứng do bên bị đơn ứng từ chủ đầu tư nhưng không ứng cho Doanh nghiệp T theo hợp đồng đã ký, vì theo thỏa thuận của các bên thì

Doanh nghiệp G chỉ được giữ lại 10% giá trị hợp đồng khi vốn về được tạm ứng công trình.

- Thứ ba là: Khi ký hợp đồng, các bên đã làm giấy bảo lãnh công trình thi công, theo đó Doanh nghiệp T tạm ứng số tiền 400.000.000 đồng và giao giấy tờ của chiếc máy đào bánh xích trên cho Doanh nghiệp G giữ để làm bảo lãnh cho số tiền tạm ứng trên. Hai bên thỏa thuận số tiền tạm ứng sẽ được trừ dần vào khi công trình đã có khối lượng được bên A, bên B và chủ đầu tư nghiệm thu. Số tiền tạm ứng trên nếu không có khối lượng hoàn thành thì Doanh nghiệp T sẽ cam kết thanh lý chiếc máy trên để trả lại số tiền tạm ứng cho Công ty TNHH Phạm Gia Bảo. Thực tế Doanh nghiệp T đã có khối lượng thi công công trình chiếm tới 80% khối lượng công trình mà chủ đầu tư đã nghiệm thu.

Do vậy nguyên đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

** Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh B:*

Người đại diện theo ủy quyền của Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh B trình bày: Thực hiện gói thầu số 38: Thi công xây dựng các cầu: Xạ Mong, Pác A, Xuân Dương 2 và Khuổi A tuyến đảm bảo giao thông ngoại tuyến Chợ Mới – Hảo Nghĩa, dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 3B đoạn Xuất Hóa – Cửa khẩu Pò Mã (đoạn tuyến đi qua địa phận tỉnh B), chủ đầu tư: Sở giao thông vận tải tỉnh B đã giao cho Ban quản lý dự án giao thông B (nay là Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh B) là bên mời thầu tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà thầu xây dựng.

Trên cơ sở kết quả đấu thầu thì nhà thầu trúng thầu là Liên danh Công ty xây dựng 99 và Công ty TNHH Nội Duệ B (Nay là Công ty TNHH Phạm Gia Bảo). Sau đó ngày 09/9/2010, bên giao thầu là Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh B (Đại diện chủ đầu tư) cùng bên nhận thầu là Liên danh Công ty xây dựng 99 và Doanh nghiệp G đã tiến hành ký Hợp đồng thi công xây dựng các cầu Xạ Mong, Pác A, Xuân Dương 2 và Khuổi A với tổng giá trị hợp đồng là 19.969.970.757đ (Mười chín tỷ, chín trăm sáu mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm năm mươi bảy đồng); hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá, trong đó phân chia khối lượng và giá trị hợp đồng như sau: Doanh nghiệp G đảm nhận 49,86% giá trị gói thầu, cụ thể là thi công cầu Pác A và cầu Xuân Dương 2 với tổng giá trị là 9.956.348.187đ (Chín tỷ, chín trăm năm mươi sáu triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm tám mươi bảy đồng); Công ty xây dựng 99 đảm nhận 50,14% giá trị gói thầu, cụ thể là thi công cầu Xạ Mong và cầu Khuổi A với tổng giá trị là 10.013.622.570đ (Mười tỷ, không trăm mười ba triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm bảy mươi đồng).

Sau khi ký Hợp đồng, Doanh nghiệp G đã tiến hành thi công cầu Pác A đảm bảo theo đúng yêu cầu kỹ thuật và đúng hồ sơ thiết kế. Tính đến thời điểm hiện nay, Doanh nghiệp G đã thi công xong 02 mô cầu sau đó dừng giãn theo yêu cầu của Nghị quyết số 11 của Chính phủ. Đến ngày 22/7/2019, Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh B đã nghiệm thu và tiến hành thanh lý hợp đồng thi công xây dựng số 78/HĐXD ngày 09/9/2010 (phần khối lượng Doanh nghiệp G thực hiện) với các nội dung sau:

Giá trị quyết toán: 3.147.327.919 đồng

Giá trị bên A đã thanh toán cho bên B: 2.714.700.000đ

Giá trị bên A còn phải thanh toán cho bên B: 432.627.919đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh B đã tạm ứng cho Doanh nghiệp G 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 23/3/2011 tạm ứng số tiền 904.900.000 đồng.
- Lần 2: Ngày 28/3/2011 tạm ứng số tiền 2.714.700.000 đồng.

Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh B cũng cho biết là quá trình thực hiện hợp đồng, Ban QLDA không biết và chưa từng làm việc, ký kết gì với Doanh nghiệp xây dựng Tiên Sơn. Giữa Doanh nghiệp G với Doanh nghiệp T ký kết hợp đồng với nhau như thế nào thì Ban QLDA không quản lý nội dung đó và không có liên quan gì đến nội dung tranh chấp giữa các bên. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số: 01/2022/KDTM-ST, ngày 23/6/2022 của TAND thành phố B đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều Áp dụng các Điều 30, 35, 39, 147, 229, 271, 273, điểm g khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 121, 122, 123, 124, 290 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật xây dựng năm 2003; Nghị định số 48 ngày 07/5/2010 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1- Đình chỉ xét xử yêu cầu Công nhận hợp đồng thương mại đã ký kết giữa Công ty TNHH ND B (Từ ngày 10/3/2020 đổi tên thành Doanh nghiệp G) với Doanh nghiệp T ngày 17/11/2010 về thi công Cầu Pác A là hợp pháp.

2- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu kh ỏi kiện của Doanh nghiệp T đối với Doanh nghiệp G về việc yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ là 61.500.000 đồng.

3- Chấp nhận yêu cầu của Doanh nghiệp T về việc Buộc Doanh nghiệp G phải thanh toán cho Doanh nghiệp T giá trị khối lượng thực tế đã thi công tại cầu Pác A với số tiền là 1.671.245.449 đồng và số tiền 50.000.000 đồng mà Doanh nghiệp T đã ứng ra để giải phóng mặt bằng. Nhưng được đối trừ đi khoản tiền 400.000.000 đồng mà Doanh nghiệp G đã tạm ứng cho Doanh nghiệp T trong quá trình xây dựng cầu Pác A, Doanh nghiệp G còn phải thanh toán cho Doanh nghiệp T số tiền là **1.321.245.449** đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4 - Chấp nhận yêu cầu của Doanh nghiệp T về việc Buộc Doanh nghiệp G phải trả cho Doanh nghiệp T giấy tờ chứng minh quyền sở hữu chiếc máy đào bánh xích mang BKS 20XA-0425 nhãn hiệu KOBELCO SK200-3. Buộc Doanh nghiệp G phải trả cho Doanh nghiệp T 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00431/XMCD, ngày 15/11/2010 do Sở Giao thông vận tải TH cấp mang tên chủ sở hữu: Doanh nghiệp T, loại xe: Máy đào bánh xích, biển số đăng ký: 20XA-0425, nhãn hiệu KOBELCOSK-200-3.

5 - Đình chỉ đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn - Doanh nghiệp G về việc:

- Yêu cầu Doanh nghiệp T trả lại cho Doanh nghiệp G chiếc xe đào bánh xích là tài sản bảo lãnh thi công công trình với giá trị tạm tính là 400.000.000đ theo giấy bảo lãnh công trình thi công ký giữa hai bên và thanh toán tiền lãi với phí bảo lãnh hợp đồng theo lãi suất ngân hàng Nhà nước quy định (của số tiền tạm ứng tương ứng với giá trị tài sản bảo lãnh là chiếc xe đào bánh xích nhãn hiệu KOBELCOSK-200-3) tính từ ngày 25/11/2010 đến ngày 25/5/2020 là: 129.737.913đ, tổng là 529.737.913 đồng.

- Yêu cầu Doanh nghiệp T chịu phạt vi phạm hợp đồng với mức phạt là 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm tương ứng với số tiền là 678.215.400đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên chi phí giám định, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, Doanh nghiệp G kháng cáo yêu cầu huỷ Bản án số:01/2022/KDTM-ST, ngày 23/6/2022 của TAND thành phố B với các lý do:

- Kết luận giám định số:31/KLGD-TTQH ngày 14/5/2021 không khách quan trong đó thiếu tài liệu là Nhật ký thi công công trình (BL 71).

- Bản án sơ thẩm không tính đến khối lượng Nguyên đơn làm sai phạm về chất lượng dẫn đến phía Doanh nghiệp G phải thuê người phá dỡ và đổ bê tông xong

mới được nghiệm thu giai đoạn I, khi giải quyết vụ án không thể căn cứ vào biên bản nghiệm thu giữa Bị đơn và Ban quản lý dự án ĐTXD công trình giao thông tỉnh B mà căn cứ vào thực tế thi công của Nguyên đơn.

-Toà án cấp sơ thẩm không xem xét đến quy định pháp luật về tài chính kế toán, khi ấn định bên Bị đơn phải thanh toán số tiền đúng như kết luận giám định: Do Doanh nghiệp T không xuất hoá đơn giá trị gia tăng của chi phí vật tư, vật liệu, nhân công.

Ngoài ra còn có các nội dung khác trình bày trong đơn kháng cáo ngày 08/7/2022.

Tại đơn trình bày ý kiến và kiến nghị ngày 22/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, phía bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa án theo hướng chấp nhận các yêu cầu của như sau:

Kết luận giám định xác định giá trị khối lượng thi công trình cầu Pác A của Doanh nghiệp T với số tiền: 1.671.245.449 đ là đúng quy định nhưng yêu cầu phía Doanh nghiệp T thanh toán các khoản sau:

- Phí quản lý công trình 10% = 167.124.549 đ.
- Thuế giá trị gia tăng: 207.846.425 đ và thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền: 1.519.314.096 đ x 20% = 303.862.818 đ.
- Chi phí tháo dỡ và làm lại phần hạng mục do Phía bị đơn đã tiến hành để được nghiệm thu giải đoạn 1 với số tiền: 356.816.429 đ.
- Tiền chi thí nghiệm vật tư, vật liệu công trình, lấy mẫu cát, ép bê tông, kéo nén thép các loại là 5% x 1.671.245.449 đ = 83.562.274 đ.
- Tiền bảo lãnh Doanh nghiệp T tạm ứng số tiền: 400.000.000 đ nhưng Doanh nghiệp Tiên Sơn không làm thanh quyết toán trả khối lượng cho công ty TNHH Phạm Gia Bảo, nay yêu cầu tính lãi đối với số tiền tạm ứng với số tiền = 400.000.000 đ x 3%/năm x 10 năm = 120.000.000 đ.
- Doanh nghiệp T vi phạm nghiêm trọng theo thoả thuận và biên bản làm việc do vậy phạt hợp đồng theo thoả thuận là 12% với số tiền: 678.215.400 đ

Tổng số các khoản trên với số tiền: 2.261.512.879 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm các bên đương sự thống nhất:

- Giá trị khối lượng công trình cầu Pác A mà phía Doanh nghiệp T đã thi công có giá trị khối lượng: 1.671.245.449 đ.
- Xác định số tiền phía Doanh nghiệp G đã tạm ứng cho Doanh nghiệp T trong

quá trình xây dựng cầu Pác A với số tiền: 400.000.000 đ (bốn trăm triệu đồng).

- Số tiền mà Doanh nghiệp T đã ứng để giải phóng mặt bằng với số tiền: 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng).

Phía Doanh nghiệp G tại phiên tòa đề nghị được trừ các chi phí hợp lý trong việc thực hiện hợp đồng bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, chi phí quản lý công trình, chi phí tháo dỡ và làm lại các hạng mục, chi phí thí nghiệm vật tư, lấy mẫu cát, ép bê tông, kéo nén thép mà phía Doanh nghiệp G đã chi phí với tổng số tiền: 300.000.000 đ (ba trăm triệu đồng), không yêu cầu phạt hợp đồng và tính lãi đôi với số tiền tạm ứng. Phía Nguyên đơn Doanh nghiệp T nhất trí với đề nghị này.

Sau khi đối trừ khoản tiền tạm ứng và các chi phí hợp lý để thực hiện công trình của Doanh nghiệp G và khoản tiền vay giải phóng mặt bằng số tiền: 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng) của Doanh nghiệp T.

Tại phiên tòa các bên đương sự thỏa thuận với nhau:

Phía Doanh nghiệp G phải thanh toán tiếp cho Doanh nghiệp T giá trị khối lượng đã thi công cầu Pác A với tổng số tiền: 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng).

Ghi nhận tại phiên tòa Doanh nghiệp G đã trả số tiền: 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng) cho Doanh nghiệp T.

Doanh nghiệp G còn phải thanh toán tiếp cho Doanh nghiệp T giá trị khối lượng đã thi công cầu Pác A với số tiền: 900.000.000 đ (chín trăm triệu đồng).

Ghi nhận tại phiên tòa Doanh nghiệp G đã trả giấy tờ xe của chiếc máy đào bánh xích mang biển kiểm soát 20XA-0425 nhãn hiệu KOBELCO SK200-3 cho Doanh nghiệp T.

Về án phí dân sự sơ thẩm: các bên đương sự thỏa thuận mỗi bên đương sự chịu 1/2 án phí dân sự sơ thẩm và Doanh nghiệp G tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh B đề nghị: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, xét thấy sự thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 300 bộ luật TTDS công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi tuyên án sơ thẩm ngày 23/6/2022, đến ngày 08/7/2022 Doanh nghiệp Gkháng cáo, đơn kháng cáo trong thời hạn quy định, hình thức, nội dung phù hợp với quy định pháp luật và đã nộp tạm ứng án phí nên kháng cáo được xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Giữa Doanh nghiệp T và Doanh nghiệp Gcó tranh chấp hợp đồng xây dựng liên quan đến thi công công trình cầu Pác A, bị đơn có trụ sở tại thành phố B thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố B, TAND thành phố B đã thụ lý đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền

[2]. Về nội dung vụ án: Sau khi đối trừ khoản tiền tạm ứng và các chi phí hợp lý để thực hiện công trình của Doanh nghiệp Gvà khoản tiền vay giải phóng mặt bằng của Doanh nghiệp T.

Tại phiên toà phúc thẩm các bên đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau: Phía Doanh nghiệp Gphải thanh toán cho Doanh nghiệp T giá trị khối lượng đã thi công cầu Pác A với tổng số tiền: 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng).

Ghi nhận tại phiên toà Doanh nghiệp Gđã thanh toán số tiền: 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng).

Doanh nghiệp Gcòn phải thanh toán tiếp cho Doanh nghiệp T giá trị khối lượng đã thi công cầu Pác A với số tiền: 900.000.000 đ (chín trăm triệu đồng).

Ghi nhận tại phiên toà Doanh nghiệp Gđã trả giấy tờ xe của chiếc máy đào bánh xích mang biển kiểm soát 20XA-0425 nhãn hiệu KOBELCO SK200-3 cho Doanh nghiệp T.

Xét sự thoả thuận của các bên đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật không trái đạo đức xã hội được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền: 39.000.000 đ (ba mươi chín triệu đồng).

Các bên đương sự thoả thuận mỗi bên chịu 1/2 án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, do vậy Doanh nghiệp T phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm với số tiền: 19.500.000 đ (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 05350, ngày 07/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Doanh nghiệp T được trả lại số tiền tạm ứng án phí với số tiền: 10.620.870 đ (mười triệu sáu trăm hai mươi nghìn tám trăm bảy mươi đồng).

Doanh nghiệp Gchịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm với số tiền: 19.500.000 đ (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0000188, ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Doanh nghiệp Gđược trả lại số tiền tạm ứng án phí với số tiền: 4.619.299 đ (bốn triệu sáu trăm mười chín nghìn hai trăm chín mươi chín đồng).

[4]. Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH Phạm Giao Bảo tự nguyện chịu án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm với số tiền: 2.000.000 đ (hai triệu đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002145, ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Sửa bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST, ngày 23/6/2022 về việc *tranh chấp hợp đồng giao khoán công trình* của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Sau khi đối trừ khoản tiền tạm ứng và các chi phí hợp lý để thực hiện công trình cầu Pác A của Doanh nghiệp Gvà khoản tiền vay giải phóng mặt bằng của Doanh nghiệp T.

Các bên đương sự thỏa thuận với nhau: Doanh nghiệp Gphải thanh toán cho Doanh nghiệp T giá trị khối lượng đã thi công cầu Pác A với tổng số tiền: 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng).

Ghi nhận tại phiên tòa Doanh nghiệp Gđã thanh toán số tiền: 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng).

Doanh nghiệp Gcòn phải thanh toán tiếp cho Doanh nghiệp T giá trị khối lượng đã thi công cầu Pác A với số tiền: 900.000.000 đ (chín trăm triệu đồng).

Ghi nhận tại phiên tòa Doanh nghiệp Gđã trả giấy tờ xe của chiếc máy đào bánh xích mang biển kiểm soát 20XA-0425 nhãn hiệu KOBELCO SK200-3 cho Doanh nghiệp T.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, bên phải thi hành

án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm: ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự

- Doanh nghiệp T phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm với số tiền: 19.500.000 đ (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 05350, ngày 07/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Doanh nghiệp T được trả lại số tiền: 10.620.870 đ (mười triệu sáu trăm hai mươi nghìn tám trăm bảy mươi đồng).

- Doanh nghiệp G phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm với số tiền: 19.500.000 đ (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0000188, ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Doanh nghiệp G được trả lại số tiền: 4.619.299 đ (bốn triệu sáu trăm mười chín nghìn hai trăm chín mươi chín đồng).

3. Về án phí phúc thẩm: Doanh nghiệp G tự nguyện chịu án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm với số tiền: 2.000.000 đ (hai triệu đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002145, ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- TAND thành phố B
- Các đương sự
- Chi cục THADS B;
- Lưu HS;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

- Lưu VP;

Hoàng Hữu Truyền